

Bản án số: **07/2025/DS-ST**

Ngày: 09 - 01- 2025

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Quang

Ông Nguyễn Tường Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 261/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Cao Văn N**, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 204/5, ấp Thanh B, xã T, huyện P, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Cao Văn P, sinh năm: 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 8/1 ấp Xương Thới 1, xã T, huyện P, tỉnh T.

Tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 16/10/2024.

- Bị đơn: **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình Thới 3, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2024, bản tự khai 15/11/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Văn P trình bày:

Ngày 31/01/2024, ông Cao Văn N có cho bị đơn bà Nguyễn Thị L (Loan L) vay số tiền là 747.000.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi bảy triệu đồng), có làm hợp đồng thỏa thuận bà L có viết, ký tên và viết đầy đủ họ và tên phía dưới hợp đồng. Hai bên là bạn bè quen biết là do có giao dịch buôn bán với nhau. Vay có kỳ hạn, thỏa thuận là từ ngày 01/7/2024 đến ngày 20/7/2024 trả 200.000.000 đồng, vay không thỏa thuận lãi suất, số tiền vay này đến nay bà L không có trả cho ông N như thỏa thuận.

Nay nguyên đơn ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị L (Loan L) phải có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền vốn vay 747.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/7/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Văn P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 24/12/2024.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị L (Loan L) các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Văn P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề 24/12/2024. Bị đơn bà Nguyễn Thị L (Loan L) đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Tại đơn xác nhận ngày 21/10/2024 công an xã B xác nhận bà Nguyễn Thị L vẫn còn đang sinh sống tại địa phương (Bút lúc số 10. Mặc khác, đơn khởi kiện của nguyên đơn ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà Nguyễn Thị L. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp đồng thỏa thuận (Bút lục số 04) có ghi đầy đủ họ tên cụ thể của người vay tiền là bà Nguyễn Thị L, đúng với địa chỉ nguyên đơn cung cấp và ghi trong đơn khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn ông N, bị đơn bà Nguyễn Thị L là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Đơn khởi kiện nguyên đơn ông N chỉ khởi kiện yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị L trả nợ vay nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét theo phạm vi đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Văn N yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền nợ vay 747.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào hợp đồng thỏa thuận (Bút lục số 04) do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện rõ số tiền vay 747.000.000 đồng (Ghi cả bằng số và bằng chữ, có chữ ký, chữ viết của người vay là bà Nguyễn Thị L), vay có thời hạn từ ngày 01/7/2024 đến ngày 20/7/2024 trả 200.000.000 đồng nhưng không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định giữa nguyên đơn ông N và bà L có quan hệ giao

dịch vay tiền, ông N không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền vay 747.000.000 đồng hiện nay bà L chưa trả cho ông N là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà L không có ý kiến phản hồi đối với tiền nợ vay mà nguyên đơn đã khởi kiện. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 747.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu trả lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/7/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/01/2025 của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ lúc nhận tiền vay đến nay phía bị đơn bà L không có trả vốn, trả tiền lãi suất, hợp đồng thỏa thuận không có ghi lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất phải trả là 0,83%/tháng là phù hợp. Về thời gian yêu cầu trả lãi suất, phía nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 01/7/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/01/2025 là chưa phù hợp. Căn cứ vào hợp đồng thỏa thuận (Bút lục số 04) thì hai bên không có thỏa thuận trả lãi suất, hai bên có thỏa thuận là từ ngày 01/7/2024 đến ngày 20/7/2024 bà L phải trả 200.000.000 đồng. Như vậy, ngày vi phạm và yêu cầu tính lãi suất là ngày 21/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/01/2025 là phù hợp và yêu cầu phải trả là đúng quy định. Số tiền lãi suất bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn ông N được tính như sau:

$747.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 05 \text{ tháng} = 33.687.000 \text{ đồng}.$

[3] Tổng cộng tiền vốn gốc và lãi suất phải trả cho nguyên đơn là 780.687.000 đồng (Gồm tiền vốn gốc 747.000.000 đồng, tiền lãi suất 33.687.000 đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà L phải chịu án phí số tiền là: $780.687.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times 380.687.000 \text{ đồng} = 35.227.500 \text{ đồng}$ (Ba mươi lăm triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, 92; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 233, 238; điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Văn N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L (Loan L).

2. Buộc bà Nguyễn Thị L (Loan L) phải có nghĩa vụ trả cho ông Cao Văn N số tiền vay 780.687.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng) (Gồm tiền vốn gốc 747.000.000 đồng, tiền lãi suất 33.687.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 35.227.500 đồng (Ba mươi lăm triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho ông Cao Văn N 17.684.012 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn không trăm mười hai đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004116 ngày 24/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (*Phòng KTNV&THA*);
- VK SND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương